TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HS-ST
Ngày 02-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Phạm Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Ông Nông Quốc Hùng– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị L, sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân số 066194008469, cấp ngày 19/12/2022, nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú thôn T, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; có chồng là Đậu Văn H; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025, bị cáo tại ngoại– Có mặt

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu S1, sinh năm 1995, tại tỉnh Lâm Đồng; căn cước công dân số 060195005810, cấp ngày 08/11/2024, nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972 và bà Trần Thị N, sinh năm 1977; có chồng là Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1986 đã ly hôn và 01 con sinh năm 2012; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025, bị cáo tại ngoại– Có mặt

3. Họ và tên: Lê Thị Hồng L1, sinh năm 1975, tại tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân số 066175005700, cấp ngày 09/08/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú số 34 L, TDP4, xã Q, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1930 đã chết và bà Phan Thị T2, sinh năm 1942; có chồng là Huỳnh Quang H1, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn nhất sinh

năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án không; tiền sự không; nhân thân ngày 20/8/2015 bị Công an thị trấn Q, huyện C xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 27/8/2015; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025, bị cáo tại ngoại– Có mặt.

4. Họ và tên: Lê Hoài T3, sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân số 066191017152, cấp ngày 09/08/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú số 31 N, TDP5, xã Q, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn T4, sinh năm 1968 và bà Lê Thị H2, sinh năm 1968; có chồng là Nguyễn Quốc T5, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025; bị cáo tại ngoại– Có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Quốc T5 sinh năm 1983, tại tỉnh Phú Thọ; căn cước công dân số 025083004536, cấp ngày 19/4/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T8, xã C, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T6, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1957; có vợ là Lê Hoài T3, sinh năm 1991 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025; bị cáo tại ngoại– Có mặt.

6. Họ và tên: Ngô Văn T7, sinh năm 1993, tại tỉnh Đồng Nai; căn cước công dân số 070093006512, cấp ngày 28/6/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 8 L, xã L, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Ngô Văn L2, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thu T8, sinh năm 1978; có vợ là Lê Thị Ánh P, sinh năm 1997 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025; bị cáo tại ngoại– Có mặt.

7. Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ T9, sinh năm 2004, tại tỉnh Đồng Tháp; căn cước công dân số 082304011413, cấp ngày 10/12/2022; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: Thôn N1, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Mỹ C1, sinh năm 1969; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025; bị cáo tại ngoại– Có mặt.

8. Họ và tên: Trương Thế T10, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Nai; căn cước công dân số 070094010444 cấp ngày 09/4/2024; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 2 ấp Q, xã L, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Quang H4, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm

1973; có vợ là Nguyễn Phương Thục N2, sinh năm 1999 và 01 con, sinh năm 2022; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025; bị cáo tại ngoại– Có mặt.

9. Họ và tên: Y W Kmăn, sinh năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân số 066084014023 cấp ngày 06/6/2025; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú thôn N1, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc Ê Đê; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Y K Hmok đã chết và bà H V Kmăn, sinh năm 1967; có vợ là H I, sinh năm 1990 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025; bị cáo tại ngoại– Có mặt.

10. Họ và tên: Y N3, sinh năm 1999, tại tỉnh Lâm Đồng; căn cước công dân số 067099004823 cấp ngày 22/11/2024; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú bon Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp làm nông; trình độ học vấn 9/12; dân tộc M'Nông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Y N4, sinh năm 1960 và bà H B, sinh năm 1959; có vợ là Kpă H N5, sinh năm 2000 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án không; tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/8/2025 đến ngày 31/8/2025; bị cáo tại ngoại– Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 21/8/2025 trong lúc Nguyễn Thị Thu S đang ở điểm thu mua mủ cao su do S quản lý tại thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng thì Lê Hoài T3 và Nguyễn Quốc T5 đến bán mủ cao su cho S, đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì có Nguyễn Thị L đến chơi. L rủ T3 và S đánh bài xì dách *(xì lát)* thắng thua bằng tiền thì T3 và S đồng ý. L đi bộ đến quán tạp hóa cách điểm mua mủ cao su của S khoảng 200 mét mua 01 bộ bài tây rồi quay lại, L ngồi vào bộ bàn ghế, lấy 01 đĩa nhựa có sẵn trên bàn rồi để bộ bài lên đĩa, sau khi chuẩn bị xong S, T3 và L cùng ngồi vào bàn tiến hành đánh bạc. Ba người thống nhất mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, kết thúc 03 ván bài sẽ thay đổi người cầm cái, L là người cầm cái đầu tiên. Cách đánh như sau: Trước khi phát bài, người chơi tiến hành đặt tiền cược trước mặt, người làm cái sẽ phát cho mỗi người chơi 02 quân bài, số bài còn lại bỏ trên đĩa nhựa, sau khi phát bài nếu người chơi có 02 quân bài A (át) thì gọi là xì bàn, có 01 quân A và 01 trong các quân bài 10, J, Q, K thì gọi là xì lát. Điểm quy định thấp nhất là 16, cao nhất là 21, nếu người chơi không thuộc trường hợp xì bàn, xì lát và chưa đủ điểm quy định thì sẽ rút thêm từng quân bài trên đĩa theo thứ tự xoay vòng nhưng tối đa không được rút quá 03 quân bài trên 01 ván (các lá bài từ 2 đến 10 thì điểm tương ứng với con số; J, Q, K được tính 10 điểm, A được tính 01 điểm, 10 điểm hoặc 11 điểm; Điểm tổng là điểm của tất cả các lá bài trên tay cộng lại), nếu người chơi có tổng cộng 05 quân bài và có số điểm tổng không quá 21 điểm thì được gọi là ngũ linh, nếu số điểm vượt quá 21 thì bài quắc (oác). Thứ tự cách tính điểm từ cao đến thấp như sau: Cao nhất là xì bàn, rồi lần lượt đến xì lát, ngũ linh và điểm số bài từ 21 đến 16, thấp nhất là bài oác. Người cầm cái nếu thuộc trường hợp phải rút bài thì rút cuối cùng. Sau khi người cầm cái

rút bài xong sẽ được quyền lật bài của bất kỳ ai tham gia đánh bạc để đối chiếu kết quả giữa người cầm cái với từng người chơi, nếu kết quả của người cầm cái thấp hơn kết quả của người chơi thì thua số tiền mà người chơi đã đặt cược, nếu kết quả của người cầm cái cao hơn kết quả của người chơi thì thắng số tiền mà người chơi đã đặt cược, nếu điểm bằng nhau thì không có người thắng, người thua. S, T3 và L đánh được một lúc thì T5 ngồi vào bàn tham gia đánh bạc cùng, trong lúc 04 người đang đánh bạc thì Lê Thị Hồng L1 đến chơi, thấy mọi người đang đánh bạc nên ngồi vào bàn tham gia đánh. Sau khi L1 vào đánh được một lúc thì T5 nghỉ chơi và đi đến nhà Ngô Văn T7 uống rượu, còn S, L, T3 và L1 tiếp tục đánh. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T5 quay lại địa điểm đánh bạc trên tiếp tục đánh bạc. Sau khi T5 vào đánh được một lúc thì lần lượt có Ngô Văn T7, Trương Thế T10 và Nguyễn Thị Mỹ T9 đến, thấy mọi người đang đánh bạc nên T7, T10 và T9 cùng ngồi vào bàn tham gia đánh bạc. Lúc này tiền cược tối đa mỗi ván là 50.000 đồng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Y N3 và Y W Kmăn đến, thấy mọi người đang đánh bạc nên cùng ngồi vào bàn tham gia đánh bạc cùng S, T3, L, T5, L1, T7, T10, T9, 10 người đánh đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, lúc này S đang là người cầm cái. Thu giữ trên chiếu bạc (bàn) số tiền 5.680.000 đồng, 52 lá bài tây, 01 đĩa nhựa màu trắng cùng nhiều tang vật có liên quan khác.

Quá trình đánh bạc, thứ tự các con bạc ngồi như sau: S ngồi quay lưng ra đường, bên trái S lần lượt theo chiều quay kim đồng hồ là Y W KMăn, T7, T10, T3, L1, L, N3, T5 và T9. Số tiền xác định các bị cáo sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau: S sử dụng số tiền 1.500.000 đồng, Y W Kmăn sử dụng số tiền 400.000 đồng, T7 sử dụng số tiền 100.000 đồng, T10 sử dụng số tiền 350.000 đồng, T3 sử dụng số tiền 300.000 đồng, L1 sử dụng số tiền 1.150.000 đồng, L sử dụng số tiền 2.660.000 đồng, Y N3 sử dụng số tiền 20.000 đồng, T5 sử dụng số tiền 100.000 đồng và T9 sử dụng số tiền 50.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng thu giữ:

Thu giữ khi bắt quả tang: Số tiền 5.680.000đ (năm triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng); 52 lá bài tây; 01 bàn khung kim loại, mặt bàn bằng gạch men màu xám dài 1,26m, rộng 56cm, cao 50cm; 10 ghế nhựa màu đỏ (loại ghế học sinh); 01 đĩa nhựa màu trắng, có hình hoa văn cô gái;

Thu giữ trên người khi bắt quả tang: Thu trên người Y N3 số tiền 330.000 đồng; Thu trên người Nguyễn Thị L số tiền 550.000 đồng; Thu trên người Lê Thị Hồng L1 số tiền 950.000 đồng và thu trên người Ngô Văn T7 01 điện thoại di động (ĐTDĐ) nhãn hiệu SamSung, màu trắng.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-KV9 ngày 12/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị L, Lê Thị Hồng L1, Lê Hoài T3, Nguyễn Quốc T5, Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9, Y W Kmăn, Y N3 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 9 – Lâm Đồng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị L, Lê Thị Hồng L1, Lê Hoài T3, Nguyễn Quốc T5, Ngô Văn T7,

Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9, Y W Kmăn, Y N3 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Sau khi phân tích các tình tiết, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu S từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L1 từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Hoài T3 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T5 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Trương Thế T10 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T7 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T9 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Y W Kmăn từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Y N3 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Xử lý, đồ vật, vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, b Điều 46; điểm a, b, Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS):

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.630.000 đồng, trong đó số tiền 5.680.000 đồng thu trên chiếu bạc và 950.000 đồng thu trên người Lê Thị Hồng L1 sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy: 52 lá bài tây và 01 đĩa nhựa màu trắng, có hình cô gái; 01 bàn khung kim loại, mặt bàn bằng gạch men màu xám dài 1,26m, rộng 56cm, cao 50cm và 10 ghế nhựa màu đỏ.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng trả lại số tiền 330.000 đồng cho Y N3; trả số tiền 550.000 đồng cho Nguyễn Thị L và trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu trắng cho Ngô Văn T7 là các chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không bào chữa gì mà xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Qúa trình truy tố, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khi thực hiện hành vi đánh bạc, Nguyễn Thị L là người khởi xướng, trực tiếp đi mua bài, lấy đĩa nhựa có sẵn tại điểm mua mủ của S để làm công cụ phục vụ hành vi đánh bạc cùng với S và T3. Nguyễn Thị Thu S3 là người quản lý, sử dụng địa điểm các đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, các đối tượng tham gia đánh bạc còn lại không đến cùng lúc, hành vi của các đối tượng là tự phát, không có sự trao đổi, bàn bạc, rủ rê, lôi kéo, không có sự sắp xếp từ trước. Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Thu S không được hưởng lợi gì từ việc chuẩn bị công cụ, địa điểm để các đối tượng còn lại tham gia đánh bạc. Do đó, hành vi của L và S không có dấu hiệu của tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc..

[3] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được có lưu trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn kiếm tiền nhanh chóng nên vào 13 giờ 45 phút, ngày 21/8/2025 tại điểm thu mua mủ cao su do Nguyễn Thị Thu S quản lý ở thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Thị L , Nguyễn Thị Thu S, Lê Hoài T3, Lê Thị Hồng L1, Nguyễn Quốc T5, Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9, Y W Kmăn, Y N3 đã cùng nhau đánh bạc xì dách *(xì lát)* thắng thua bằng tiền số tiền trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang là 5.680.000 đồng, thu giữ số tiền trên người của Lê Thị Hồng L1 sử dụng vào mục đích đánh bạc là 950.000 đồng.

Cụ thể số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc: Nguyễn Thị L sử dụng số tiền 2.660.000 đồng, để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc L không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang L đang thua và chỉ còn số tiền 710.000 đồng để trên bàn; Nguyễn Thị Thu S sử dụng số tiến 1.500.000 đồng để tham gia đánh bạc (gồm 500.000 đồng S mang ra từ đầu và 1.000.000 đồng T7 trả cho S trong quá trình đánh bạc), quá trình đánh bạc S không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang S đang thắng và có số tiền 2.390.000 đồng để trên bàn; Lê Hoài T3 sử dụng số tiền 300.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc T3 không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang T3 đang thắng số tiền 140.000 đồng, thu giữ trên bàn số tiền 440.000 đồng; Nguyễn Quốc T5 sử dụng số tiền 100.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc T5 không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược cố định là 20.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang T5 đang thắng được 140.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ của T5 để trên chiếu bạc là 250.000 đồng, trong đó 100.000 đồng tiền ban đầu T5 mang ra để đánh bạc,

140.000 đồng tiền thắng bạc và 10.000 đồng là tiền đang giữ của S do không có tiền lẻ trả cho S; Lê Thị Hồng L1 mang theo số tiền 1.150.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc L1 không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Ban đầu, L1 cầm ra số tiền 150.000 đồng để đánh bạc, số tiền 1.000.000 đồng còn lại L1 để trong túi áo khoác. Khi thua hết số tiền ban đầu, L1 tiếp tục lấy từ trong áo khoác ra 50.000 đồng để đánh bạc cho đến khi bị bắt thì thắng được tổng cộng 250.000 đồng, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 450.000 đồng và số tiền 950.000 đồng trong túi áo khoác, xác định L1sử dụng để đánh bạc; Ngô Văn T7 sử dụng số tiền 100.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc T7 không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược cố định là 20.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang T7 đang thua và chỉ còn số tiền 50.000 đồng để trên bàn; Trương Văn T10 sử dụng số tiền 350.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc T10 không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược 20.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang T10 đang hòa tiền và có số tiền 350.000 đồng để trên bàn; Nguyễn Thị Mỹ T9 sử dụng số tiền 50.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc T9 không nhớ số ván thắng ván thua, số tiền cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Tại thời điểm bị bắt quả tang T9 đang thắng số tiền 550.000 đồng, thu giữ số tiền 600.000 đồng để trên bàn; Y N3 sử dụng số tiền 20.000 đồng để tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc N3 thắng được 01 ván bài với số tiền 20.000 đồng. Khi đang chơi ván tiếp theo thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang. Tại thời điểm bị bắt quả tang Y N3 đang thắng 20.000 đồng, bị thu giữ số tiền 40.000 đồng để trên bàn; Y W sử dụng số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, sau khi đi làm về Y W được S trả số tiên 400.000 đồng tiền công, sau đó Y W ngồi vào bàn và đặt cược số tiền 20.000 đồng, thời điểm trên S đang cầm cái và chia bài cho Y W . Khi Y W đang chơi thì Cơ quan Công an thu giữ số tiền trên. Quá trình điều tra xác định Y W sử dụng số tiền 400.000 đồng để tham gia đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 6.630.000 đồng.

Như vậy với hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L , Nguyễn Thị Thu S , Lê Hoài Thu, Lê Thị Hồng Loan, Nguyễn Quốc Tuấn, Ngô Văn Tân, Trương Thế Trung, Nguyễn Thị Mỹ Tâm, Y Wang Kmăn, Y Ngin đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của BLHS.

VKSND khu vực 9 – Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Lụa, Nguyễn Thị Thu S, Lê Hoài T3, Lê Thị Hồng L1, Nguyễn Quốc T5, Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9, Y W Kmăn, Y N3 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của BLHS là có căn cứ pháp lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính

trị tại địa phương. Đây cũng là nguyên nhân, tiền đề gây ra các tội phạm khác và làm giảm sút kinh tế gia đình. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung đối với toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Ngô Văn T7 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trung Đoàn 2, Sư Đoàn 9 tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trương Thế T10 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trung đội Vệ binh, Phòng tham mưu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước, các bị cáo Y W KMăn, Y N3 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS, các bị cáo Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Y W KMăn, Y N3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS .

[6]. Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, không có sự bàn bạc trước. Tuy nhiên cần phân hóa mức độ thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp.

[6.1]. Bị cáo Nguyễn Thị L sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc là 2.660.000 đồng, bị cáo là người rủ rê bị cáo S và bị cáo T3, bị cáo là người trực tiếp đi mua bài, lấy đĩa sẵn trên bàn rồi chơi với bị cáo T3, bị cáo S, bị cáo là người đầu tiên xóc bài, cầm cái. Bị cáo Nguyễn Thị Thu S khi được bị cáo L rủ thì đồng ý, bị cáo sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo đồng ý sử dụng địa điểm và các vật dụng do mình quản lý để cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc, quá trình đánh bạc bị cáo cũng tham gia cầm cái, tại thời điểm bị bắt quả tang bị cáo đang cầm cái. Bị cáo Lê Hoài T3 sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc nhưng bị cáo tham gia ngay từ đầu và cũng tham gia làm cái. Bị cáo Nguyễn Quốc T5 là chồng của bị cáo Lê Hoài T3, lẽ ra khi thấy bị cáo T3 tham gia đánh bạc bị cáo phải căn ngăn vợ mình nhưng bị cáo cũng tham gia đánh, sau đó bị cáo nghỉ chơi đến nhà bị cáo Ngô Văn T7 uống rượu rồi lại quay lại địa điểm đánh bạc để tiếp tục đánh bạc. Các bị cáo vừa tham gia đánh bạc, vừa tham gia làm cái, đánh bạc trong thời gian dài nhất vì vậy các bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Do đó cần xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L mức hình phạt cao nhất, sau đó đến bị cáo Nguyễn Thị Thu S rồi đến bị cáo Lê Hoài T3, Nguyễn Quốc T5.

[6.2] Bị cáo Lê Thị Hồng L1 sử dụng số tiền 1.150.000 đồng để đánh bạc, bị cáo cũng tham gia đánh bạc chỉ sau bị cáo L, S, T3, T5. Bị cáo tham gia đánh nhiều ván, số tiền đặt cược không cố định, ít nhất 10.000 đồng nhiều nhất 50.000 đồng. Bị cáo có nhân thân xấu. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 03/QĐ-XPHC, ngày 20/8/2015 của Công an thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 27/8/2015. Bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản

thân mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc vì vậy xử phạt bị cáo bằng mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Thu S .

[6.3] Các bị cáo Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9 tham gia đánh bạc cùng thời điểm với nhau, số tiền các bị cáo sử dụng cũng ít hơn các bị cáo con lại, số tiền mà bị cáo T7, bị cáo T10 đặt cược là 20.000 đồng, bị cáo T9 đặt cược không cố định, ít nhất 10.000 đồng nhiều nhất 50.000 đồng. Bị cáo Y W KMăn và bị cáo Y N3 đến sau cùng, bị cáo Y N3 chỉ tham gia được 01 ván, bị cáo Y W KMăn mới đặt cược thì bị bắt quả tang, số tiền các bị cáo Y W KMăn, Y N3 đặt cược 20.000 đồng. Do đó cần xử phạt các bị cáo Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9 mức hình phạt thấp hơn các bị cáo trên, xử phạt bị cáo Y W KMăn, Y N3 mức hình phạt thấp nhất.

[6.4] Hội đồng xét xử xét thấy tất cả các bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo T7 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trung Đoàn 2, Sư Đoàn 9 tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo T10 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trung đội Vệ binh, Phòng tham mưu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước, các Bị cáo Y W KMăn, Y N3 là người dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Hội đồng xét xử xét thấy tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 6.630.000 đồng chỉ cáo hơn mức khởi điểm bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo cơ bản đều có nhân thân tốt trừ bị cáo Lê Thị Hồng L1 năm 2015 đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xoá tiền sự, các bị cáo là lao động chính, có tài sản và thu nhập ổn định, tại phiên toà các bị cáo xin được áp dụng hình phạt tiền và cam kết sẽ thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, các bị cáo có đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát để xử phạt hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo về cơ bản là phù hợp, các bị cáo chấp nhận và không có ý kiến gì nên HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên cần đánh giá lại vai trò của từng bị cáo như đã nhận định ở trên để quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp và quyết định mức hình phạt có sự công bằng đối với các bị cáo.

[9] Về các biện pháp tư pháp – xử lý vật chứng của vụ án:

[9.1]. Đối với đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là 52 lá bài tây và 01 đĩa nhựa màu trắng, có hình cô gái; 01 bàn khung kim loại, mặt bàn bằng gạch men màu xám dài 1,26m, rộng 56cm, cao 50cm và 10 ghế nhựa màu đỏ có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/01/2026 giữa cơ quan CSĐT công an tỉnh Lâm Đồng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh LÂm Đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9.2]. Đối với số tiền 330.000 đồng của Y N3; Số tiền 550.000 đồng của Nguyễn Thị L ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu trắng của Ngô Văn T7 là các chủ sở hữu hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội, vì vậy việc cơ quan CSĐT công an tỉnh Lâm Đồng trả lại các đồ vật tài sản trên cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của BLHS; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS nên cần chấp nhận Quyết định xử lý vật

chứng số F388/ QĐ-VPCQCSĐT, ngày 03/9/2025 kèm theo biên bản trả lại tài sản đồ vật, tài liệu ngày 04/9/2025.

[9.3] Đối với đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.630.000 đồng, trong đó: 5.680.000 đồng thu trên chiếu bạc và 950.000 đồng thu trên người Lê Thị Hồng L1 sử dụng vào mục đích đánh bạc là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS của pháp luật nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L , Nguyễn Thị Thu S , Lê Hoài T3, Nguyễn Quốc T5, Lê Thị Hồng L1, Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9, Y W Kmăn, Y N3 phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng).*

1.2. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu S 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*.

1.3. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L1 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*.

1.4. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hoài T3 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng).*

1.5. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T5 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng).*

1.6. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thế T10 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng).*

1.7. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T7 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng).*

1.8. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T9 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng).*

1.9. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Y W Kmăn 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng).*

1.10. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Y N3 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng).*

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Các biện pháp tư pháp về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 BLHS và điểm a, b khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Lâm Đồng trả lại: Số tiền 330.000 đồng (*Ba trăm ba mươi nghìn đồng*) cho bị cáo Y N3; Số tiền 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*) cho bị cáo Nguyễn Thị L ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu trắng cho bị cáo Ngô Văn T7 theo Quyết định xử lý vật chứng số F388/ QĐ-VPCQCSĐT, ngày 03/9/2025 kèm theo biên bản trả lại tài sản đồ vật, tài liệu ngày 04/9/2025.

3.2. Tịch thu ngân sách Nhà nước số tiền 6.630.000 đồng *(Sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)*, trong đó: 5.680.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)* thu trên chiếu bạc và 950.000 đồng *(Chín trăm năm mươi nghìn đồng)* thu trên người Lê Thị Hồng L1 sử dụng vào mục đích đánh bạc theo uỷ nhiệm chi ngày 20/01/2026.

3.3. Tịch thu tiêu hủy vật chứng là 52 lá bài tây và 01 đĩa nhựa màu trắng, có hình cô gái; 01 bàn khung kim loại, mặt bàn bằng gạch men màu xám dài 1,26m, rộng 56cm, cao 50cm và 10 ghế nhựa màu đỏ có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/01/2026 giữa cơ quan CSĐT công an tỉnh Lâm Đồng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Nguyễn Thị L , Nguyễn Thị Thu S , Lê Hoài T3, Nguyễn Quốc T5, Lê Thị Hồng L1, Ngô Văn T7, Trương Thế T10, Nguyễn Thị Mỹ T9, Y W Kmăn, Y N3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 – Lâm Đồng;
- Phòng PC 01 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PC 06 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9 - Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Cảnh

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA